

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2020

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phước

2. Ông Phan Hồng Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 174/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2020 về việc “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thượng Thị Ánh H, sinh năm 1975 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Cư trú: ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn H, sinh năm 1968 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Cư trú: ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2020, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Thượng Thị Ánh H trình bày:

Chị và anh Phan Văn H cưới nhau năm 1991 do tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Thời gian

đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau thì bất đồng quan điểm, chung sống không hạnh phúc, quan điểm trái ngược nhau nên thường xuyên gây gổ, cự cãi nhau. Gia đình có động viên hàn gắn nhưng không kết quả. Chị và anh H đã tìm cách khắc phục những mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Chị và anh H không có thời gian sống ly thân nhưng hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau như trước đây. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn H.

Về con chung: có 03 con chung tên Phan Thị Ánh L, sinh ngày 14/9/1992; Phan Thị Mộng L, sinh ngày 05/10/1994; Phan Hoài L, sinh ngày 20/10/1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2020 bị đơn anh Phan Văn H trình bày:

Anh và chị H cưới nhau năm 1991 và có đăng ký kết hôn vào năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới thì anh và chị H có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng khắc khẩu, đối lập tư tưởng nên thường xuyên xảy ra cự cãi mâu thuẫn đến mức trầm trọng có lần dẫn đến đánh nhau. Hiện nay anh vẫn còn thương vợ nhưng chị H cương quyết yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: anh và chị H có 03 con chung tên Phan Thị Ánh L, sinh ngày 14/9/1992; Phan Thị Mộng L, sinh ngày 05/10/1994; Phan Hoài L, sinh ngày 20/10/1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Thượng Thị Ánh H và bị đơn anh Phan Văn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Thành viên Hội đồng

xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Con chung: 03 con chung tên Phan Thị Ánh L, sinh ngày 14/9/1992; Phan Thị Mộng L, sinh ngày 05/10/1994; Phan Hoài L, sinh ngày 20/10/1999 đã trưởng thành nên không giải quyết. Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét. Về nợ chung không có nên không đặt vấn đề xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Thượng Thị Ánh H và anh Phan Văn H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Việc chị H, anh H xin vắng mặt là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Thượng Thị Ánh H và anh Phan Văn H là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H cưới nhau do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 20/12/1996 trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau này thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do đôi bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thiếu sự chia sẻ, tôn trọng, yêu thương với nhau, anh H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do khắc khẩu và có lần đánh nhau. Qua đó, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị H và anh H đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do đó chị H yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: tên Phan Thị Ánh L, sinh ngày 14/9/1992; Phan Thị Mộng L, sinh ngày 05/10/1994; Phan Hoài L, sinh ngày 20/10/1999 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Thượng Thị Ánh H phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chị Thượng Thị Ánh H được ly hôn với anh Phan Văn H.
2. Về con chung: tên Phan Thị Ánh L, sinh ngày 14/9/1992; Phan Thị Mộng L, sinh ngày 05/10/1994; Phan Hoài L, sinh ngày 20/10/1999 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.
5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Thượng Thị Ánh H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0009222 ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí chị H đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã A (B, Bến Tre)
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Duy Linh